

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: 55/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 16/6/2022
V/v Xin ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đoàn Thị Ngọc Hân
2. Bà Nguyễn Thị Bé Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Trần Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Bà Trần Hiền Diệu – Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 474/2021/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2021 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Lệ H, sinh năm 1971;

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Ông Phùng Văn H, sinh năm 1964;

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

(Bà H có mặt, ông H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các biên bản làm việc trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lệ H trình bày:

Năm 1992 bà và ông Phùng Văn H quen biết chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Do bất đồng quan điểm trong sinh hoạt hàng ngày, bà không còn tình cảm, hiện tại, vợ chồng bà không còn tin tưởng nhau. Cuộc sống vợ chồng ngày càng bất hòa thường hay cãi nhau. Nay bà nhận thấy hạnh phúc và tình thương giữa vợ chồng không còn, nên bà yêu cầu xin được ly hôn với ông Phùng Văn H.

Về con chung: có 01 con chung là Phùng Ngọc N, sinh ngày 28/10/1993, hiện con chung đã trưởng thành, nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Phùng Văn H trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông H đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến hay yêu cầu của ông H.

Tại phiên tòa sơ thẩm Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký và người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Áp dụng Điều 28, 35, 39, 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Lệ H đối với ông Phùng Văn H. Về con chung: Cháu Phùng Ngọc N, sinh năm 1993 đã trưởng thành nên không xét đến. Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, nên không xét đến. Về nợ chung: Không có nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên Tòa và căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Hồng có đơn yêu cầu xin ly hôn với ông Phùng Văn H. Bị đơn ông H hiện đang đăng ký thường trú tại xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào Điều 35 và Điều 39 BLTTDS nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Ông Phùng Văn H được Tòa án triệu tập lần thứ hai để đưa vụ án ra xét xử nhưng ông H vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Bà H và ông H chung sống với nhau vào năm 1992 trên tinh thần tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre là phù hợp với quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa bà H và ông H lúc đầu có hạnh phúc, nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân theo bà H trình bày do bất đồng quan điểm trong đời sống vợ chồng, tính tình không phù hợp không thể khắc phục được, bà H và ông H đã sống ly thân từ cuối năm 2021 cho đến nay. Nay bà H nhận thấy tình thương giữa bà với ông H không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông H.

Qua xác minh và làm việc đối với bà Tạ Thị S (bà S) là mẹ ruột của ông H cho biết. Vợ chồng H và H kết hôn và ra riêng sống tính đến nay gần 30 năm. Do ở riêng nên bà không biết có mâu thuẫn gì hay không, nhưng bà có nghe nói giữa vợ chồng H, H có lục đục về tiền bạc. Bà có biết H có nộp đơn xin ly hôn, nên việc ly hôn này tùy các con quyết định.

Tòa án tiến hành đến tại nơi ở của ông H nhưng không gặp được ông H nên không ghi nhận được lời khai của ông H, đồng thời ông Hoàng cũng không đến Tòa để tiến hành hòa giải và công khai chứng cứ chứng tỏ rằng ông H không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nên quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông H không thể tồn tại được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân giữa bà H và ông H không đạt được. Vì vậy nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Hồng là hoàn toàn phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình quy định.

[3] Về con chung: có 01 con chung là Phùng Ngọc N, sinh ngày 28/10/1993 hiện cháu N đã trưởng thành, nên không xét đến.

[4] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

[5] Về nợ chung: Theo bà H khai không có, nên Tòa án không xét đến.

[6] Về án phí: Bà H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Lệ H ly hôn với ông Phùng Văn H.
2. Về con chung: Phùng Ngọc N, sinh ngày 28/10/1993 đã trưởng thành nên không xét đến.
3. Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.
4. Về nợ chung: Bà H khai không có nên không xem xét.
5. Về án phí: Bà H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Số tiền án phí của bà H được trừ vào biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001099 ngày 10/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Bà H đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

** Nơi nhận*

- TAND tỉnh
- VKSND huyện Châu Thành
- Chi cục THADS huyện Châu Thành
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Quốc Tuấn

